

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 134/2008/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục
Quản lý đất đai trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Tổng cục Quản lý đất đai là cơ quan trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ

trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý nhà nước về đất đai trong phạm vi cả nước; thực hiện các dịch vụ công theo quy định của pháp luật.

2. Tổng cục Quản lý đất đai có tư cách pháp nhân, con dấu hình Quốc huy, tài khoản riêng và trụ sở tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Tổng cục Quản lý đất đai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, chương trình quốc gia, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án về quản lý và sử dụng đất đai để ban hành, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt;

b) Dự thảo quyết định, chỉ thị, thông tư, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ, đơn giá, định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý và sử dụng đất.

2. Chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, chương trình quốc gia, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án về quản lý và sử dụng đất đai sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý và sử dụng đất đai; trả lời, giải đáp chính sách, pháp luật về đất đai cho các tổ chức, cá nhân.

4. Về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

a) Tổ chức việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của cả nước, của vùng theo quy định của pháp luật;

b) Trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản hướng dẫn việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh;

c) Tổ chức thẩm định việc lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của từng ngành, lĩnh vực để lập quy hoạch sử dụng đất của cả nước, từng vùng;

đ) Trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản hướng dẫn và tổ chức kiểm tra: việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; việc sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch của ngành, lĩnh vực sau khi được phê duyệt;

e) Tổ chức điều tra, đánh giá tiềm năng và hiệu quả sử dụng đất phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

5. Về đăng ký và thống kê đất đai:

a) Chỉ đạo, kiểm tra: công tác đo đạc để lập và chỉnh lý bản đồ địa chính; việc lập và chỉnh lý hồ sơ địa chính; công tác thống kê, kiểm kê đất đai;

b) Chỉ đạo, kiểm tra: việc đăng ký quyền sử dụng đất và đăng ký biến động về sử dụng đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu, sử dụng tài sản gắn liền với đất; các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ theo quy

định của pháp luật đối với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất;

c) Tổ chức xây dựng hệ thống đăng ký đất đai trên phạm vi cả nước;

d) Tổ chức phát hành và kiểm tra việc quản lý, sử dụng phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu, sử dụng tài sản gắn liền với đất;

đ) Tổng hợp số liệu về đăng ký đất đai, đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu, sử dụng tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, thống kê, kiểm kê đất đai của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

e) Tổ chức thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cả nước.

6. Về giá đất:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ ban hành, quy định, điều chỉnh khung giá các loại đất, nguyên tắc và phương pháp định giá đất;

b) Trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản hướng dẫn và tổ chức kiểm tra: việc áp dụng các nguyên tắc, phương pháp và quy trình định giá đất; việc khảo sát, điều tra, tổng hợp, thống kê giá đất hàng năm;

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị của các địa phương về giá đất tại các địa bàn giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

d) Xây dựng bản đồ về giá đất làm cơ sở cho việc xác định giá đất đối với từng thửa đất;

đ) Đề xuất các giải pháp nhằm bình ổn giá đất trong thị trường bất động sản;

e) Kiểm tra việc thực hiện định giá đất của các tổ chức định giá đất độc lập.

7. Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước quyết định thu hồi đất;

b) Trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản hướng dẫn việc xác định người sử dụng đất thuộc đối tượng được bồi thường, được hỗ trợ hoặc không được bồi thường, không được hỗ trợ làm cơ sở cho việc tính bồi thường, hỗ trợ; kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong việc cưỡng chế thu hồi đất; thống kê quỹ đất thu hồi và

chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

c) Chỉ đạo các ngành, địa phương, các tổ chức trong việc xử lý những khó khăn, vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quản lý, sử dụng đất sau khi giải phóng mặt bằng.

8. Về phát triển quỹ đất, quản lý và phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, hướng dẫn và tổ chức kiểm tra việc thực hiện các cơ chế, chính sách tài chính về đất đai trong việc thu tiền khi giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, phát triển quỹ đất theo quy hoạch; chỉ đạo, kiểm tra việc thu hồi đất, phát triển quỹ đất, đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất; quản lý và phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản;

b) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách về tạo quỹ đất khi xây dựng công trình giao thông, công trình phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, phát triển thị trường bất động sản, chống đầu cơ về đất đai, tạo quỹ đất ở tái định cư cho người bị thu hồi đất ở;

c) Kiểm tra việc thực hiện phương án, dự án, đề án phát triển quỹ đất, việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của tổ chức phát triển quỹ đất, các tổ chức dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai;

d) Trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn trình tự, thủ tục và tổ chức kiểm tra: việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; việc tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất; việc quản lý quỹ đất tái định cư; quỹ đất đã được giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và việc bàn giao đất từ quỹ đất này cho người được giao đất, thuê đất, trúng đấu giá quyền sử dụng đất, trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất;

đ) Quản lý quỹ đất do Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp công.

9. Về lưu trữ và thông tin đất đai:

a) Tổ chức xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ dữ liệu về đất đai; cung cấp thông tin về đất đai theo quy định của pháp luật;

b) Lưu trữ hồ sơ, dữ liệu về đất đai theo quy định của pháp luật;

c) Trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn và tổ chức kiểm tra việc: thu thập, xử lý, cung cấp thông tin, hồ sơ, dữ liệu về đất đai; xây dựng hệ thống thông tin đất đai; lưu trữ hồ sơ, dữ liệu về đất đai.

10. Về thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo:

a) Thực hiện thanh tra chuyên ngành về đất đai trong phạm vi cả nước;

b) Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về đất đai trong phạm vi cả nước theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c) Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

11. Về hợp tác quốc tế:

a) Đề xuất việc: tham gia đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, tham gia các tổ chức quốc tế, diễn đàn quốc tế về lĩnh vực đất đai theo phân công hoặc ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Làm đầu mối thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về lĩnh vực đất đai theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c) Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về lĩnh vực đất đai theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

12. Tổ chức thẩm định, kiểm định các sản phẩm, đề án, dự án về quản lý và sử dụng đất đai.

13. Tổ chức nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, phổ biến các tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong quản lý và sử dụng đất đai.

14. Tổ chức thực hiện các dịch vụ công về đất đai theo quy định của pháp luật; chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách bảo đảm cho hoạt động dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai.

15. Thực hiện cải cách hành chính trong quản lý và sử dụng đất đai theo chương trình cải cách hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường và phân công của Bộ trưởng.

16. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ đãi ngộ, thi đua, khen thưởng, kỷ luật; bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc Tổng cục; thực hành tiết kiệm, phòng, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng trong Tổng cục; tham gia đào tạo cán bộ quản lý, nghiên cứu về quản lý đất đai theo quy định của pháp luật.

17. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo phân cấp của Bộ Tài nguyên và Môi trường và theo quy định của pháp luật.

18. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Vụ Chính sách và Pháp chế.
2. Vụ Hợp tác quốc tế và Khoa học, Công nghệ.
3. Vụ Kế hoạch - Tài chính.
4. Vụ Tổ chức cán bộ.
5. Văn phòng (có cơ sở đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh).
6. Thanh tra.
7. Cục Đăng ký và Thống kê.
8. Cục Quy hoạch đất đai.
9. Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất.
10. Trung tâm Lưu trữ và Thông tin đất đai.
11. Trung tâm Điều tra, Đánh giá tài nguyên đất.
12. Viện Nghiên cứu quản lý đất đai.

Tại Điều này, các tổ chức quy định từ khoản 1 đến khoản 9 là các tổ chức hành chính giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các tổ

chức quy định từ khoản 10 đến khoản 12 là tổ chức sự nghiệp phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Tổng cục Quản lý đất đai.

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập mới, đổi tên, giải thể, sắp xếp, tổ chức lại các tổ chức hành chính của Tổng cục Quản lý đất đai.

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định thành lập các tổ chức sự nghiệp dịch vụ công tự bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên trực thuộc Tổng cục Quản lý đất đai theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Lãnh đạo

1. Tổng cục Quản lý đất đai có Tổng cục trưởng và không quá 03 Phó Tổng cục trưởng. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai có thể do Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường kiêm nhiệm.

2. Tổng cục trưởng và các Phó Tổng cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo quy định của pháp luật.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức trực thuộc Tổng cục Quản lý đất đai.

4. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Tổng cục Quản lý đất đai. Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quyết định này.

3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng